

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT  
Ngày: 15/02/2022  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Đạt.  
Bà Nguyễn Ái Đoan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Z, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố W, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm,*

*\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:* Vào ngày 06/10/2018 (al) bà Nguyễn Thị Q do cần tiền làm sổ đỏ, có đến nhà vay của bà số tiền 10.000.000 đồng. Theo đó bà Q cam kết với bà sau 01 tháng kể từ ngày vay sẽ trả số tiền trên cho bà. Nhưng dù đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu bà Q trả tiền nhưng bà Q vẫn cố tình né tránh và đến nay không trả số tiền nào cho bà. Nay bà yêu cầu bà Q trả lại bà số tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 06/10/2018 (al) đến ngày 24/11/2020 (al) là 26 tháng 18 ngày với lãi suất 0,75% thành tiền là 1.995.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Trong lúc chồng bà bị bệnh nặng, không có tiền trị bệnh, bà có nhờ chú sáu B ở thị trấn V, có biết người nào cho vay chú chỉ dùm bà, chú có chở bà đến nhà bà H vay tiền, bà nói là bà cho vay bạc 10 phân, bà có đồng ý vay 10.000.000 đồng vào ngày 06/10/2018 (al), mỗi tháng trả lãi cho bà H 1.000.000 đồng. Đến ngày 06/01/2019 (al) bà trả lãi cho bà H là 15.000.000 đồng. Kể từ ngày 06/01/2019 (al) đến nay bà không có khả năng đóng lãi, bà có xin bà H trả vốn hàng tháng là 1.000.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý, bắt buộc bà trả một lần. Trước khi đến nhà bà H thì bà H buộc bà làm giấy tay đề mượn, chỗ đề cho vay mượn làm sổ đỏ, sự thật là vay tiền trị bệnh chứ không phải vay làm sổ đỏ. Bà H kêu phải làm y lời bà H mới cho vay, buộc lòng bà không có tiền trị bệnh, bà chấp nhận theo đề bà H mới cho vay. Nay bà đề nghị xem xét giải quyết cho bà trả lãi cho bà H theo lãi suất ngân hàng hiện nay.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày:* Ông và bà H, bà Q có quen biết từ trước. Vào năm 2018 ông có chạy xe ôm chở bà Q đi công việc ở CG thì bà Q có hỏi ông biết ai cho vay tiền, giới thiệu cho bà Q thì ông nói có biết bà H ở gần Huyện đội là người quen của ông, rồi ông chở bà Q đến nhà bà H để bà Q vay tiền. Khi đến nhà bà H thì ông đậu xe ngoài cửa cổng để bà Q vào nhà nói chuyện với bà H. Sau một lúc thì bà Q đi ra ông hỏi bà Q được không thì bà Q nói được, rồi lên xe ông chở về. Ông hoàn toàn không biết bà Q vay tiền của bà H bao nhiêu tiền và thỏa thuận vay tiền trả lãi như thế nào vì ông chỉ đứng ở bên ngoài không có chứng kiến giao dịch giữa bà H và bà Q. Ông cũng không có nhận hai triệu đồng từ bà Q để trả lãi cho bà H. Nay bà H kiện đòi tiền bà Q ông không có ý kiến và tranh chấp gì vì ông chỉ là người chạy xe ôm chở bà Q đến nhà bà H, mọi việc để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

Căn cứ vào các điều 175, 177, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 2.630.000 đồng, tổng cộng là

12.630.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Q có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q xét không có căn cứ. Tuy nhiên xét bà H yêu cầu bà Q trả lãi tính từ 07/10/2018 ÂL (13/11/2018 DL) đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 là 34 tháng 03 ngày nhưng án sơ thẩm lại tính 35 tháng 03 ngày là thiệt thời cho bà Q, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Q, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi bà Q phải trả cho bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét ông L không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông L, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung tranh chấp: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện, ngày 06/10/2018 Âm lịch bà Nguyễn Thị Q viết biên nhận vay của bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 10.000.000 đồng để làm sổ đỏ, thời hạn vay là 01 tháng (BL: 22).

Theo bà H, biên nhận không thể hiện lãi suất nhưng các bên thỏa thuận lãi 6%/tháng. Từ lúc vay đến nay bà Q không trả lãi và vốn vay cho bà nên phát sinh tranh chấp.

Bà Q thừa nhận có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng nhưng cho rằng, các bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng và bà đã trả lãi cho bà H đến ngày 06/01/2019 là 15 tháng với số tiền 15.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q, nhận thấy: Biên nhận mà bà Q thừa nhận do bà viết và ký tên vay tiền của bà H ngày 06/10/2018 (ÂL) không thể hiện lãi suất vay và lời trình bày của bà Q về lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi đã trả không được bà H thừa nhận. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Q có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vốn, lãi là có căn cứ.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Tuy nhiên xét thấy, bà H yêu cầu bà Q có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 07/10/2018 ÂL (13/11/2018 DL) đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 là 34 tháng 03 ngày nhưng bản án sơ thẩm lại xác định 35 tháng 03 ngày là không phù hợp, gây thiệt hại đến quyền lợi của bà Q. Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất là có căn cứ nên chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi mà bà Q có nghĩa vụ trả cho bà H là  $2.555.000 \text{ đồng} (10.000.000 \text{ đ} \times 0.75\% \times 34 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 2.555.000 \text{ đ})$ .

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị Q thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 173/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền vốn là 10.000.000 đồng và lãi là 2.555.000 đồng, tổng cộng là 12.555.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017098 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Xuân Tuấn**